

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 26/8/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Linh
2. Ông Nguyễn Trường Ca.

- Thư ký phiên tòa: bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2022/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mạc Thị K, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu dân cư số 3, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: khu dân cư T, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Trọng C, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu dân cư số 3, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Mạc Thị K trình bày: Chị và anh Vũ Trọng C tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố C ngày 27/8/2008. Sau đó anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống với nhau tại khu dân cư số 3, phường B, thành phố C. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C không chịu khó làm việc, không tu chí làm ăn dẫn đến nợ nần. Chị và gia đình đã khuyên nhưng anh C không thay đổi. Từ năm 2018, anh C cũng bỏ vào miền trung làm kinh tế, cụ thể làm gì thì chị không biết. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị K đề nghị được ly hôn với anh C.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Vũ Mai L, sinh ngày 07/11/2010 và Vũ Khánh N, sinh ngày 27/8/2014. Hiện các con chung đều đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Chị làm nghề bán hàng thu nhập khoảng 50 triệu đồng mỗi tháng. Hiện nay, chị đang ở cùng bố mẹ ở khu dân cư T, phường B, thành phố C nên đủ điều kiện để chị chăm sóc các con.

Về tài sản chung: không đề nghị giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho anh C. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của BLTTDS, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn là anh Vũ Trọng C. Tuy nhiên, anh C không đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị K.

Bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của anh Vũ Trọng C trình bày: Năm 2008, anh C kết hôn với chị K, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Từ năm 2018, anh C đi làm ở tỉnh Quảng Bình nhưng bà không rõ địa chỉ như thế nào. Đến năm 2020, chị K đưa 2 con về bố mẹ đẻ ở. Bà đã khuyên giải nhưng không có kết quả, anh C đi làm ăn ít về nhà. Nay chị K đề nghị ly hôn, đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị N là mẹ chị Mạc Thị K trình bày: năm 2008 anh C và chị K kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường B. Sau đó 2 bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, anh chị chung sống với nhau tại khu dân cư số 3, phường B, thành phố C. Quá trình chung sống anh chị có nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C không quan tâm đến vợ con, còn có người phụ nữ khác. Bà đã khuyên giải nhưng anh C không thay đổi. Năm 2018, anh C đi làm ăn ở miền Trung. Chị K đưa các con về nhà bà ở nhưng

anh C cũng không quan tâm và không đón mẹ con chị K về. Chị K hiện sống cùng với vợ chồng bà, có nhà rộng rãi. Vợ chồng bà làm nông nghiệp nên có thời gian phụ giúp chị chăm sóc con cái. Chị K bán hàng nên có thu nhập ổn định nên đề nghị giao 2 con của anh chị cho chị K nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Duy H - Trưởng khu dân cư số 3, phường B, thành phố C xác định: Anh C và chị K là công dân có đăng ký hộ khẩu tại khu dân cư số 3, phường B, thành phố C, nhưng hiện nay cả 2 anh chị đều không sống tại địa phương. Anh C hiện đang làm ăn xa tại miền trung, còn địa chỉ như thế nào địa phương không nắm được. Còn chị K thì chuyển về ở với bố mẹ đẻ tại khu dân cư T, phường B, thành phố C. Anh chị chung sống với nhau có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được.

Ông Mạc Văn C - Trưởng khu dân cư T, phường B, thành phố C xác định: Chị Mạc Thị K là con của bà Nguyễn Thị N là công dân của khu dân cư T. Năm 2008, chị N có kết hôn với anh C ở khu dân cư số 3, phường B. Sau đó, anh chị sống tại khu dân cư số 3. Quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được, chỉ thấy khoảng năm 2020 chị K cùng các con có về ở với vợ chồng bà N. Từ đó đến nay không thấy anh C về thăm con. Chị K và anh C có 2 con chung. Hiện chị K và các con đều đang ở với bà N. Các con của anh chị đã lớn nên tự đi học. Bố mẹ chị K cũng có thời gian hỗ trợ chị chăm sóc con. Vợ chồng ông bà N có chỗ ở rộng rãi, kiên cố, thoáng mát đảm bảo được cho 3 mẹ con chị ở. Chị K có công việc và thu nhập ổn định.

- Tại Công văn số 14440/QLXNC-P5 ngày 11/7/2022, Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an trả lời: Theo dữ liệu của Cục quản lý nhập cảnh quản lý: anh Vũ Trọng C, sinh ngày 08/2/1986, tại Hải Dương, CMND số 030086005250, có hộ khẩu tại thành phố C, tin Hải Dương có hộ chiếu số C4264586 ngày 19/12/2017, không có thông tin xuất nhập cảnh.

Tại phiên tòa, các đương sự đều không có mặt.

Đại diện VKSND thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K cho chị được ly hôn với anh C

- Về con chung: Giao con chung là Vũ Mai L, sinh ngày 07/11/2010 và Vũ Khánh N, sinh ngày 27/8/2014 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

- Về tài sản chung: không giải quyết.

- Án phí: Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Mạc Thị K khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Vũ Trọng C có địa chỉ thường trú tại phường B, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị K đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh C đã được triệu tập đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Mạc Thị K và anh Vũ Trọng C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/08/2008 tại UBND phường, thành phố C, tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Đến khoảng năm 2018, anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh C không tu chí, chịu khó làm việc dẫn đến nợ nần. Chị K và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi. Từ năm 2018, anh C bỏ vào miền Trung làm kinh tế nhưng cụ thể làm gì, ở đâu thì chị K và gia đình không biết. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn với anh C. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị K và anh C có 02 con chung là Vũ Mai L, sinh ngày 07/11/2010 và Vũ Khánh N, sinh ngày 27/8/2014. Cả hai chung hiện đang

ở với chị K. Khi ly hôn, chị K đề nghị được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh C đi làm ăn xa không rõ địa chỉ cụ thể, không có mặt tại địa phương và không đến phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Trong khi chị K có chỗ ở và thu nhập ổn định, bố mẹ của chị có thể hỗ trợ chị về việc chăm sóc con. Nhận thấy đề nghị của chị K phù hợp với nguyện vọng của các con chung, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh sống của chị nên cần chấp nhận việc giao cả 2 con chung cho chị K nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị K về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị K là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của chị Mạc Thị K;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thị K được ly hôn anh Vũ Trọng C.

2. Về con chung: Giao cho chị Mạc Thị K được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Vũ Mai L, sinh ngày 07/11/2010 và Vũ Khánh N, sinh ngày 27/8/2014 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị K tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mạc Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0003012 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị K đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường B, TP C (số 14/2008);
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà